

Số: 05/2025/QĐST - HNGĐ

Hưng Yên, ngày 23 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 02/2025/TLST - HNGĐ ngày 10/7/2025, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Dương Thị Thu T - sinh năm 1984.

2/ Anh Đinh Đức C - sinh năm 1985.

Cùng HKTT: Thôn V, phường P, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Cháu Đinh Hà C1 - Sinh Năm 2005

Cháu Đinh Ngọc D - Sinh Năm 2016

Cháu Đinh Tuấn K - Sinh năm 2019

Người đại diện hợp pháp cho cháu: Ngọc D và Tuấn K là anh Đinh Đức C và chị Dương Thị Thu T1 là bố, mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thu T và anh Đinh Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên nay là Phường P, tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24 quyền số 01/2005 ngày 09/5/2005. Sau khi kết hôn, anh, chị sinh sống tại xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Anh, chị hạnh phúc được khoảng thời gian đầu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh C, chị T bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, mâu thuẫn về làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù anh, chị đã nhiều lần nói chuyện với mong muốn để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng. Anh C, chị T đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay cả hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh C và chị T là có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh C và chị T.

[2]. *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân, anh C và chị T có 03 con chung là Cháu Đình Hà C1: Sinh năm 2005 hiện là sinh viên trường Đ; Cháu Đình Ngọc D: Sinh năm 2016 hiện học lớp 3 trường Tiểu học L; Cháu Đình Tuấn K: Sinh năm 2019 Hiện là học sinh trường mầm non L. Anh, chị thỏa thuận cháu Hà C1 đã lớn nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T xin nhận nuôi và chăm sóc cháu Ngọc D cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Tuấn K cho anh C trực tiếp nuôi dạy, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh, chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về lệ phí*: Anh C và chị T nhất trí để chị T nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Dương Thị Thu T và anh Đình Đức C tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

+ *Về con chung*: Anh C và chị T có 03 con chung là cháu Đình Hà C1: Sinh năm 2005 hiện là sinh viên trường Đ; Cháu Đình Ngọc D: Sinh năm 2016 hiện học lớp 3 trường Tiểu học L; Cháu Đình Tuấn K: Sinh năm 2019, hiện là học sinh trường mầm non L. Anh, chị thỏa thuận cháu Hà C1 đã lớn nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T nhận nuôi và chăm sóc cháu Ngọc D cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Tuấn K cho anh C trực tiếp nuôi dạy và chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh, chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về lệ phí*:Chị Thủy tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng),nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004057 ngày 10/7/2025 là 300.000 đồng của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị T2 nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND cùng cấp;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên
- Ủy ban nhân dân phường Phố Hiến(ĐKKH số 24/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê